

Số: /BC-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thực hiện
Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

I. BỐI CẢNH TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC

Thanh Hóa là tỉnh có diện tích lớn thứ 5 và dân số lớn thứ 3 của cả nước, có vị trí địa lý nằm ở "cửa ngõ" giao lưu văn hóa, giao thương kinh tế; tỉnh Thanh Hóa có vị thế quan trọng trong cực phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Bắc trung Bộ, vùng biên giới Việt - Lào, vành đai kinh tế Vịnh Bắc bộ, trong mối liên hệ về kinh tế với khu vực miền Trung nước CHDCND Lào và Đông Bắc Thái Lan.

Trong tình hình phát triển mạnh mẽ của thể dục thể thao (TDTT) trong nước, khu vực và thế giới. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020 được ban hành là điều kiện thuận lợi để tỉnh Thanh Hóa xây dựng các kế hoạch, quy hoạch, đề án, chương trình phát triển TDTT của tỉnh nhằm bảo vệ, giữ gìn và nâng cao sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần, thể lực, tầm vóc của thanh thiếu niên, học sinh, của chiến sỹ lực lượng vũ trang và toàn thể nhân dân trong tình hình mới; cũng như từng bước đầu tư để nâng cao trình độ cho huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài thể thao các cấp của tỉnh trên các đấu trường thể thao quốc gia, khu vực, châu lục và thế giới; phát triển kinh tế, tạo thêm công ăn việc làm trong lĩnh vực TDTT, góp phần phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của tỉnh và đất nước.

Là tỉnh có diện tích rộng, dân số đông, điều kiện kinh tế còn khó khăn, thu nhập của các tầng lớp nhân dân còn thấp, mức chênh lệch về thụ hưởng các giá trị của TDTT ở các vùng, miền trong tỉnh còn cao là những thách thức, khó khăn của tỉnh Thanh Hóa trong đạt được các mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược. Tuy nhiên, nhân dân Thanh Hóa có tinh thần thượng võ và yêu thích rèn luyện TDTT, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, sự vào cuộc tích cực, có trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, trong đó ngành TDTT đóng vai trò quan trọng, sự nghiệp TDTT tỉnh Thanh Hóa đã liên tục phát triển và gặt hái nhiều thành công trong lĩnh vực TDTT quần chúng; Thể thao thành tích cao 02 lần xếp thứ IV tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VII năm 2014 và lần thứ VIII năm 2018; nhiều vận động viên (VĐV) của Thanh Hóa đã góp phần vào thành công chung của Thể thao Việt Nam trên các đấu trường khu vực, châu lục và thế giới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Công tác chỉ đạo điều hành và triển khai Chiến lược

1.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Chiến lược:

Quán triệt quan điểm chỉ đạo, nội dung, nhiệm vụ được giao trong triển khai thực hiện Chiến lược, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã tăng cường tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò của hoạt động thể dục, thể thao đối với nhiệm vụ tăng cường, bảo vệ sức khỏe của nhân dân; quán triệt coi nhiệm vụ phát triển TDTT là một nội dung trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm, giai đoạn của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị trong tỉnh.

Xuyên suốt thời gian thực hiện Chiến lược, các ban, sở, ngành, địa phương, đơn vị trong tỉnh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chiến lược đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể các tầng lớp nhân dân trong tỉnh thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú gắn với các hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết; gắn liền với việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch phát triển TDTT của tỉnh, sở, ngành, địa phương, đơn vị; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin truyền thống và hiện đại, đặc biệt là gắn với việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; các lễ hội, ngày liên hoan, lễ, tết.

1.2. Công tác ban hành văn bản triển khai Chiến lược:

Sau khi Chiến lược phát triển Thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ ban hành, thực hiện các nhiệm vụ được giao trong triển khai thực hiện Chiến lược, tỉnh Thanh Hóa đã chủ động xây dựng, ban hành, triển khai, tổ chức thực hiện nhiều kế hoạch, chương trình, quy hoạch, đề án phát triển TDTT giai đoạn, hàng năm, 5 năm gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược và phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Thanh Hóa, nổi bật như:

- Đề án phát triển lực lượng VĐV tuyển III, tạo nguồn VĐV cho các môn thể thao thành tích cao đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 2673/QĐ- UBND ngày 15/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 tại Thanh Hóa tại Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh;

- Chương trình phát triển Thể dục thể thao vùng dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2011 - 2015 tại Quyết định số 2965/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết về chế độ khen, thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc gia, khu vực và thế giới trong các lĩnh vực giáo

dục - đào tạo, thể dục thể thao, khoa học - công nghệ, văn học - nghệ thuật tại Nghị quyết số 10/2011/NQ-HĐND ngày 20/9/2011 của HĐND tỉnh;

- Quyết định số 4294/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh V/v quy định một số chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 16/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Ban hành quy chế về chế độ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các cuộc thi, quốc gia, khu vực và thế giới thuộc khoa học - công nghệ, văn học - nghệ thuật;

- Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng (khóa XI) “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020” tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Kế hoạch tổ chức cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" giai đoạn 2012 - 2020 tại Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Kế hoạch xây dựng lực lượng vận động viên tham gia Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII - 2014 và định hướng tới Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VIII - 2018 tại Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 3/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Kế hoạch phát triển TDTT Thanh Hóa, giai đoạn 2011 - 2015 tại Quyết định số 3144/QĐ-UBND 25/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quyết định 3503/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

- Quyết định số 3787/2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh V/v quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với VĐV, HLV thể thao thành tích cao của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về Chính sách hỗ trợ đối với học sinh năng khiếu thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

- Đề án phát triển Thể dục thể thao tỉnh Thanh Hóa trở thành trung tâm mạnh hàng đầu của cả nước vào năm 2020, định hướng đến năm 2025 tại Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Kế hoạch xây dựng lực lượng vận động viên tham gia Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 tại Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 16/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Quy định chính sách khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc gia, khu vực và thế giới thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, TDTT; giải thưởng về khoa học và công nghệ, văn học nghệ thuật, báo chí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 182/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh.

2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện Chiến lược

2.1. Thể dục, thể thao cho mọi người

a) Nhiệm vụ phát triển Thể dục, thể thao quần chúng

- Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" đã và đang được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, các đoàn thể và đã thu được những kết quả đáng phấn khởi; Phong trào TDTT quần chúng phát triển đồng đều giữa các vùng miền thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Công tác giáo dục thể chất trong nhà trường được chăm lo, thể hệ học sinh đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể đạt cao; phong trào rèn luyện lực lượng vũ trang đã tạo động lực cho cán bộ, chiến sỹ, làm tốt công tác xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Công tác xã hội hóa TDTT đạt kết quả tốt, đã huy động được nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng các công trình TDTT, thiết chế văn hóa - TDTT các cấp, đáp ứng yêu cầu tập luyện cho nhân dân, góp phần đưa phong trào TDTT trong tỉnh phát triển lên tầm cao mới.

- Bám sát các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác TDTT, tỉnh Thanh Hóa đã kịp thời thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền cơ sở về vai trò của hoạt động thể dục, thể thao; chủ động xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển TDTT sâu rộng cho mọi tầng lớp nhân dân; tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn mọi đối tượng quần chúng tập luyện, tham dự thi đấu thể dục, thể thao trong các CLB cơ sở; đồng thời tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, chất lượng. Tăng cường công tác phối hợp lồng ghép trong tổ chức triển khai nhiệm vụ trọng tâm là gắn triển khai các hoạt động TDTT với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", phong trào "Xây dựng Nông thôn mới", các phong trào xã hội khác. Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố triển khai tổ chức các hoạt động TDTT tại địa phương, đơn vị; chú trọng quan tâm đến phát triển TDTT cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khôi phục và phát triển các môn thể thao dân tộc.

- Triển khai thực hiện Quyết định 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Chương trình bơi an toàn, phòng, chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 4285/QĐ-BVHTTDL ngày 08/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Chương trình bơi an toàn, phòng, chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020. Hàng năm triển khai Chương trình, kế

hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước trẻ em đến các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh. Việc triển khai Chương trình, Kế hoạch, Hướng dẫn về bơi an toàn, phòng, chống đuối nước trẻ em trên địa bàn toàn tỉnh luôn được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm, chú trọng và cụ thể hóa chương trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh; Công tác thông tin, tuyên truyền được triển khai đến mọi tầng lớp nhân dân qua đó từng bước hạn chế tai nạn đuối nước gây ra; chủ động xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch và lồng ghép với công tác phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, mở các lớp bơi cho trẻ em; tổ chức các giải bơi, lặn cứu đuối hàng năm từ tỉnh đến cơ sở; bên cạnh đó làm tốt công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của chương trình; phối hợp triển khai dạy bơi cho trẻ em thuộc dự án phòng chống đuối nước trẻ em, kết quả đã công nhận 2200 em học sinh từ 6-15 tuổi thuộc các huyện: Nga Sơn, Cẩm Thủy, Nông Cống, Như Thanh, Triệu Sơn và Hà Trung biết bơi thành thạo ít nhất 1 kiểu bơi theo quy định. Vì vậy, đã tạo được sự quan tâm, đồng thuận, ủng hộ trong các tầng lớp nhân dân, từng bước hạn chế tai nạn đuối nước.

- Thực hiện chương trình phối hợp giữa các Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh về phát triển sự nghiệp TDTT, thực hiện nhiệm vụ được giao Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Trường Cao đẳng TDTT Thanh Hóa đào tạo hướng dẫn viên, cộng tác viên, trọng tài cho các huyện, thị xã, thành phố, xã phường, thị trấn giai đoạn 2011-2015; Phối hợp với các ngành chương trình liên tịch như: Liên đoàn lao động tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội người cao tuổi, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn thanh niên, Công an tỉnh, Hội nông dân, Sở Lao động Thương binh và Xã hội để đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, huấn luyện viên, trọng tài, giáo viên, hướng dẫn viên TDTT cơ sở. Đăng cai tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ cho HDV cơ sở về chương trình Bơi an toàn, phòng, chống đuối nước trẻ em các tỉnh/thành khu vực phía Bắc năm 2019 tại Thanh Hóa với 254 học viên tham gia. Thông qua đó góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ HDV, CTV, trọng tài cơ sở. Tính đến năm 2019, toàn tỉnh có: 1.503 trọng tài các môn thể thao; 1.614 hướng dẫn viên, cộng tác viên cơ sở.

- Thể dục thể thao giải trí từng bước được quan tâm phát triển, nổi bật như một số môn: Khiêu vũ thể thao, Thể dục thể hình, thể thao điện tử, thể thao đường phố, thể thao dưới nước; Hoạt động kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao ngày càng phát triển, số lượng các cơ sở đăng ký hoạt động ngày càng tăng; việc lồng ghép phát triển các môn thể thao giải trí trong các hoạt động văn hóa, du lịch ngày càng được quan tâm phát triển, góp phần rèn luyện sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân.

- Thường xuyên tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về công tác xã hội hóa TDTT; xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích xã hội hóa TDTT để triển khai có hiệu quả các chính sách xã hội hóa TDTT của trung ương ban hành; liên tục bổ sung các cơ sở xã hội hóa vào quy hoạch mạng

lưới cơ sở TDTT, cải cách hành chính trong việc thụ hưởng chính sách xã hội hóa TDTT của tỉnh và trung ương, tạo niềm tin cho các tổ chức, cơ sở hoạt động TDTT và tư nhân quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng các phòng tập, sân tập, bể bơi tổ chức kinh doanh các hoạt động TDTT.

Các tổ chức xã hội TDTT và các hội nghề nghiệp đã và đang góp phần huy động các nguồn lực xã hội hóa phát triển TDTT, như: Liên đoàn Bóng đá, Liên đoàn Quần vợt, Liên đoàn Cầu lông, Liên đoàn Vovinam, Hội Golf, Liên đoàn Võ thuật, Liên đoàn Cờ, Hội tâm năng dưỡng sinh... Hàng năm các Liên đoàn, Hội, CLB đã tổ chức nhiều hoạt động TDTT và hàng chục giải thi đấu thể thao phong trào với quy mô cấp tỉnh bằng nguồn kinh phí xã hội hóa với số tiền hàng tỷ đồng. Các tổ chức xã hội về thể thao đã chủ động thu hút nguồn lực và tổ chức nhiều hoạt động với các quy mô từ tỉnh đến cơ sở với nguồn kinh phí khoảng 05 tỷ đồng/năm; vận động các tổ chức, doanh nghiệp tài trợ, hỗ trợ cho các hoạt động thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp khoảng 20 - 50 tỷ đồng/năm.

Hình thức kinh doanh hoạt động TDTT có điều kiện như: Bóng đá, Bơi, Môn nước, Thể dục thẩm mỹ, Thể dục thể hình, Billiards&Snooker, Yoga và các môn võ... ngày càng nhiều. Đến nay tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho 257 cơ sở; đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho nhiều dự án xây dựng cơ sở vật chất, sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị TDTT. Trên địa bàn tỉnh hiện có 16.550 công trình, sân bãi, phòng tập; 36 dự án đầu tư xây dựng các công trình TDTT với diện tích 132,7 ha, tổng mức đầu tư khoảng 1.520,5 tỷ đồng.

- Quy hoạch, bố trí đất và xây dựng công trình thể dục thể thao phục vụ hoạt động TDTT đã được tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 về Quy hoạch phát triển sự nghiệp Thể dục thể thao tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 11/9/2014 về việc thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030. Hiện nay, tỉnh Thanh Hóa chưa có quy hoạch hệ thống mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh tới cơ sở. Các sở ngành, địa phương căn cứ chỉ tiêu đề ra tại Kế hoạch 119/KH-UBND đã tích hợp nội dung quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch phát triển nông thôn mới và quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao tỉnh.

Hiện nay cơ sở vật chất TDTT cấp tỉnh có: 01 Sân vận động (không đủ tiêu chuẩn tổ chức các giải điền kinh quốc gia); 01 Nhà thi đấu 2.500 chỗ ngồi; một số công trình xây dựng từ những năm 1980: 02 nhà tập, 02 bể bơi (01 bể 50*25m; 01 bể có mái che 10*25m), 01 Trường bắn súng (21 bệ bắn), 01 nhà 5 tầng; 01 nhà 11 tầng (2010); 02 sân quần vợt. Quy hoạch phát triển cơ sở vật chất TDTT cấp tỉnh và Khu Liên hợp TDTT tỉnh quy mô Bắc trung bộ đã được phê duyệt. Cơ sở vật chất cấp huyện, thị xã, thành phố: Đến nay

có 8 huyện đảm bảo các công trình thể thao tối thiểu, đạt 30%, gồm: Quảng Xương, Nông Cống, Nga Sơn, Yên Định, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy, Thạch Thành. Công trình thể thao trong quần thể Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã: có 559 đơn vị hành chính cấp xã quy hoạch được quỹ đất xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã tích hợp trong quy hoạch nông thôn mới; cụm thôn, bản: Sau sáp nhập tính đến tháng 8/2019 có 3146/4393 thôn, bản, tổ dân phố quy hoạch được quỹ đất cho xây dựng Nhà văn hóa thôn.

- Các trò chơi vận động dân gian trong các lễ hội truyền thống hàng năm của các dân tộc thiểu số luôn được quan tâm tổ chức, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị và đáp ứng nhu cầu của nhân dân, như: bắn ná, bắn nỏ, tung còn, kéo co, đẩy gậy, đánh măng, tu lu, võ cổ truyền, vật dân tộc, đua thuyền, đi cà kheo,...; Hàng năm, gắn với các lễ hội truyền thống, các dịp lễ, tết triển khai tổ chức các giải thi đấu, biểu diễn Lân Sư Rồng, Võ cổ truyền, Vovinam, Vật dân tộc nhằm động viên, khuyến khích thanh thiếu niên tham gia tập luyện các môn võ cổ truyền của dân tộc, góp phần khôi phục và bảo tồn môn võ cổ truyền, nhất là trong các trường học như mục tiêu tại Đề án “Bảo tồn và phát triển Võ cổ truyền Việt Nam đến năm 2020” đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

- Thực hiện các chủ trương, chính sách về trợ giúp người khuyết tật, trọng tâm là: Luật Người khuyết tật, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật, Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 đề ra mục tiêu giai đoạn 2012 - 2020; Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch trợ giúp người khuyết tật tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013 - 2020. Hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương, đơn vị trong tỉnh đẩy mạnh xây dựng các Câu lạc bộ, hướng dẫn người khuyết tật tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tập luyện TDTT, kết hợp rèn luyện sức khỏe cho người khuyết tật. Tính đến nay số CLB người khuyết tật tham gia tập luyện thể thao 47 CLB, số lượng người khuyết tật tham gia các hoạt động TDTT 1.788 người. Định kỳ hai năm một lần, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Hội Bảo trợ người tàn tật và Trẻ em mồ côi tỉnh tổ chức Hội thi thể thao Thương binh và Người khuyết tật tỉnh Thanh Hóa; trên cơ sở kết quả giải để tuyển chọn, thành lập đoàn VĐV tham dự Hội thi thể thao người khuyết tật toàn quốc.

- Triển khai Luật Người cao tuổi và các văn bản hướng dẫn, Đảng bộ và các cấp chính quyền tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, các tổ chức và đơn vị liên quan thực hiện Luật Người cao tuổi; thành lập Ban công tác người cao tuổi ở đơn vị để hỗ trợ, hướng dẫn người cao tuổi tham gia hoạt động TDTT hàng ngày, tham gia biểu diễn trong các hoạt động, các sự kiện thể thao của các đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện, xã,...; định kỳ hai năm một lần tổ chức hội thao người cao tuổi toàn tỉnh với các môn thể thao phù hợp.

- Hoạt động thể dục thể thao phòng bệnh, chữa bệnh ngày càng được quan tâm phát triển nhằm giảm thiểu tác động bất lợi do thiếu vận động của xã hội hiện đại và giải tỏa những căng thẳng do áp lực cuộc sống và công việc.

- Hoạt động thể dục thể thao ở khu công nghiệp, khu chế xuất được tỉnh thường xuyên quan tâm, chỉ đạo từ quy hoạch đất đai, xây dựng cơ sở vật chất và tổ chức hoạt động. Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh chỉ đạo, tổ chức các giải thể thao; chỉ đạo cơ sở tổ chức các hoạt động TDTT phục vụ người lao động trong thời gian rảnh. Các dịch vụ hoạt động thể thao được đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của người dân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, nâng cao sức khỏe và giảm thiểu các tệ nạn xã hội.

- Triển khai thực hiện Chương trình phát triển thể dục, thể thao ở xã, phường, thị trấn (theo Quyết định số 100/2005/QĐ-TTg ngày 10/5/2005), tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 4100/2005/QĐ-UBND, ngày 30/12/2005 về cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư đối với các công trình cấp huyện quản lý; Đề án phát triển TDTT xã, phường, thị trấn giai đoạn 2010 - 2015 tại Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 14/5/2010 và được triển khai sâu rộng đến các cấp chính quyền địa phương, tạo bước phát triển mạnh mẽ hoạt động TDTT, xây dựng cơ sở vật chất, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương; đồng thời gắn với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, góp phần tích cực nâng cao sức khỏe, thể lực, cải thiện đời sống tinh thần trong quần chúng nhân dân. Hàng năm, tổ chức thi đấu từ 1.500 - 1.800 giải thể thao cấp xã, phường, thị trấn; định kỳ 4 năm một lần tổ chức Đại hội TDTT các cấp; 95 - 100% cán bộ hướng dẫn viên, cộng tác viên được bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ thể dục thể thao tại các xã, phường, thị trấn.

b) Nhiệm vụ phát triển giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học.

- Quán triệt và triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương về công tác TDTT trường học, Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Giáo dục tỉnh Thanh Hóa đã phối hợp triển khai thực hiện các Chương trình phối hợp để chỉ đạo, quản lý, tổ chức công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học; tổ chức các giải thể thao học sinh các cấp hàng năm; tổ chức Hội khỏe Phù Đổng các cấp và tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VIII năm 2012, lần IX năm 2016 và lần X được lùi lại năm 2021; triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục thể chất, thể thao khác có liên quan.

- Việc thực hiện dạy môn Thể dục thực hiện theo khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 100% các nhà trường thực hiện đảm bảo dạy đúng và dạy đủ 2 tiết/tuần, 70 tiết thực học theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Nội dung chương trình thực hiện trang bị kiến thức, kỹ năng vận động, giáo dục các tố chất thể lực, hình thành thói quen tập luyện TDTT góp phần hình thành nhân cách cho học sinh. Nhiều nhà trường đã đổi

mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy đem lại hiệu quả cao. Đối với môn thể thao tự chọn, khuyến khích đưa các môn thể thao dân tộc phù hợp với nhà trường và địa phương vào giảng dạy. Khuyến khích đưa môn Vovinam, Võ cổ truyền và Bơi lội vào giảng dạy cho học sinh. Việc đánh giá xếp loại thể lực học sinh: 100% các trường học thực hiện việc đánh giá xếp loại thể lực học sinh theo đúng nội dung hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tăng cường công tác phối hợp, hỗ trợ xây dựng, phát triển các lớp năng khiếu thể thao, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho tỉnh và quốc gia. Triển khai hiệu quả Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025; Chương trình phối hợp chỉ đạo, quản lý, tổ chức công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo và TDTT phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các nhà trường thành lập các Câu lạc bộ thể thao trong nhà trường, cơ sở giáo dục; tăng cường tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa, tạo điều kiện cho học sinh, cán bộ giáo viên (CBGV) được thường xuyên tham gia tập luyện, thi đấu nhằm duy trì, nâng cao sức khỏe, thể lực phục vụ tốt cho lao động, học tập; thường xuyên duy trì và triển khai tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, bài võ thuật cổ truyền và hô các khẩu ngữ sau khi tập thể dục tập thể theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, trọng tài cho cán bộ giáo viên, cán bộ phụ trách công tác giáo dục thể chất, thể thao trường học.

Triển khai hiệu quả công tác phòng, chống tai nạn đuối nước đối với học sinh, chú trọng nội dung tuyên truyền, giáo dục hướng dẫn học sinh kỹ năng nhận biết nguy cơ về đuối nước, biết chủ động phòng, tránh; Tăng cường chỉ đạo, khuyến khích nhà trường, cơ sở giáo dục đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư bể bơi trong trường học, tổ chức dạy bơi cho học sinh, sinh viên trong và ngoài nhà trường; chỉ đạo các nhà trường phổ thông hướng dẫn, giao nhiệm vụ cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy tiết học cuối (trước khi học sinh tan trường) thường xuyên nhắc nhở, hướng dẫn các em thực hiện quy định an toàn từ nhà đến trường và từ trường về nhà; khuyến cáo các em tuyệt đối không được chơi, đùa nghịch gần ao, hồ, sông suối, kênh, rạch, hồ công trình, nơi tiềm ẩn nguy cơ đuối nước..., tự ý hoặc rủ nhau tắm, đi bơi khi không có người lớn đi cùng.

Tăng cường tổ chức các hoạt động thi đấu Thể dục thể thao tạo sân chơi bổ ích cho học sinh, sinh viên, cán bộ giáo viên, tạo không khí giao lưu thoải mái giữa các đơn vị trường học, các cụm thi đua, làm cơ sở đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ năm học và phong trào tập luyện Thể dục thể thao của các đơn vị.

Triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch các cơ sở giáo dục, đặc biệt là khu giáo dục thể chất, hoạt động TDTT đáp ứng với các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia, các đơn vị từng bước có đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học.

Hàng năm các cơ sở giáo dục duy trì tổ chức từ 1- 3 giải đấu các môn thể thao cho học sinh, cán bộ giáo viên tham gia; duy trì giải thi đấu thể thao cấp tỉnh cho học sinh TH, THCS và THPT, định kỳ 4 năm tổ chức Hội khỏe Phù Đổng các cấp và Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh thu hút hàng nghìn học sinh tham gia; tham gia từ 3-5 giải đấu thể thao liên ngành tổ chức; Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VIII- 2012 tại Cần Thơ đoàn Thanh Hóa xếp thứ 6 toàn đoàn, tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ IX- 2016 tại Thanh Hóa và Nghệ An đoàn Thanh Hóa xếp thứ 3 toàn đoàn.

- Các Sở Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội tích cực chỉ đạo nâng cao chất lượng các môn học thể dục thể thao nội khóa, đẩy mạnh tổ chức, tham gia các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa trong các nhà trường. Đến nay, số trường học thực hiện giáo dục thể chất nề nếp và chất lượng đạt: 100%; số trường học thực hiện giáo dục thể chất ngoại khóa đạt: 98%; thực hiện tốt các quy định tại Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính phủ quy định về phát triển giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học và Đề án Tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

c) Nhiệm vụ phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang:

- Kết quả phát triển thể dục, thể thao trong quân đội nhân dân:

Trong những năm qua, phong trào hoạt động TDTT trong lực lượng vũ trang ngày càng phát triển và đi vào hoạt động có kế hoạch, được các đơn vị đưa vào bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm góp phần nâng cao sức khỏe, phục vụ lao động và sẵn sàng chiến đấu; Qua đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ trong hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ và hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Duy trì tốt công tác tập luyện nội, ngoại khóa, làm tốt công tác phát hiện bồi dưỡng tài năng trẻ; Tổ chức ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn lực lượng vũ trang tại nhiều địa điểm; Phối hợp tổ chức và tham gia các Hội thao trong và ngoài quân khu cho cán bộ, chiến sĩ đạt kết quả cao.

+ Việc kiện toàn, củng cố hệ thống tổ chức, biên chế, đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách thể dục, thể thao ở các cấp luôn được cấp ủy quan tâm, hàng năm củng cố, tổ chức nhân sự làm công tác TDTT; Hệ thống tổ chức, biên chế từ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đến các đơn vị cơ sở đều có cán bộ kiêm nhiệm phụ trách lĩnh vực TDTT nhằm bảo đảm phục vụ hiệu quả;

+ Hàng năm duy trì và đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao phát triển về cả quy mô, số lượng. Đảm bảo huấn luyện đủ các nội dung thể lực trong chương trình huấn luyện chiến sỹ theo kế hoạch hàng ngày. Tăng cường kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực, hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức rèn luyện thể thao hàng ngày nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được cấp trên giao.

+ Thường xuyên hoạt động thể dục thể thao ngoại khoá, tổ chức các giải thi đấu thể thao nhân các ngày lễ lớn và đã thu hút được cán bộ, chiến sỹ tham gia. Xây dựng các đơn vị giỏi về huấn luyện thể lực và hoạt động thể dục, thể thao; Thường xuyên đẩy mạnh luyện tập thể thao có tính đặc thù; Hàng năm tổ chức định kỳ các hội thao quốc phòng và tham gia thi đấu các giải thể thao quần chúng do tỉnh và Trung ương tổ chức.

+ Chủ trương xã hội hóa thể dục, thể thao được các cấp lãnh đạo chỉ huy quan tâm; Bên cạnh những cơ sở vật chất, trang thiết bị đã được cấp trên cấp, Bộ Chỉ huy còn vận dụng công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng sân bãi, mua sắm các dụng cụ phục vụ các hoạt động TDTT, qua đó đào tạo và phát hiện những nhân tố có năng khiếu bổ sung vào các đội tuyển để tham gia thi đấu trong tỉnh và Quân khu đạt được thành tích cao. Đến nay, toàn tỉnh có 02 sân bóng đá, 40 sân bóng chuyền, 30 sân cầu lông, 04 sân quần vợt và nhiều sân tập khác đáp ứng nhu cầu huấn luyện và tập luyện của cán bộ, chiến sỹ.

- Kết quả phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng công an nhân dân:

+ Lãnh đạo Công an tỉnh, các đơn vị, địa phương luôn quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ, chiến sỹ luyện tập các bộ môn thể thao và tham gia thi đấu trong các hội thao do ngành Công an, cấp tỉnh, huyện tổ chức. Kết quả lực lượng Công an tỉnh đã gặt hái nhiều thành tích đáng kể, đưa phong trào thể dục thể thao của cán bộ, chiến sỹ trong công an toàn tỉnh có bước tiến bộ rõ rệt, tạo khí thế thi đua sôi nổi và tích cực hưởng ứng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và phong trào rèn luyện chiến sỹ Công an khỏe. Đến nay, tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực đạt: 98%. Phong trào hoạt động TDTT trong lực lượng Công an ngày càng phát triển và đi vào hoạt động có kế hoạch, thực hiện đa dạng các hình thức tập luyện thể thao trong đơn vị nhằm góp phần nâng cao sức khỏe, sẵn sàng chiến đấu và tham gia thi đấu tại các Hội thao các cấp đạt kết quả cao.

+ Được sự quan tâm của lãnh đạo Công an các đơn vị, địa phương đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để lực lượng cán bộ, chiến sỹ tham gia tập luyện và thi đấu các giải thể thao ngày càng đông hơn, nhất là phong trào thể thao quần chúng; Nhiều câu lạc bộ từng môn được thành lập, nhất là các hoạt động võ thuật và những môn thể thao phổ biến, tạo không khí vui tươi, giao lưu học hỏi nhằm phục vụ tích cực cho nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức các giải thi đấu thể thao trong lực lượng Công an, số lượng môn thể thao trong lực lượng Công an đạt 12 môn. Thông qua hội thao nhằm phát hiện, bồi dưỡng cán bộ, chiến sỹ có năng khiếu, chuẩn bị lực lượng tham gia Đại hội khỏe “Vì an ninh Tổ quốc”. Thông qua hội thao, cán bộ, chiến sỹ Công an có dịp thi đua, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong thi đấu.

+ Lãnh đạo Công an tỉnh và các đơn vị luôn quan tâm tới việc phát triển đội ngũ cán bộ quản lý thể dục thể thao, thường xuyên cử cán bộ, chiến sỹ tham gia các khóa đào tạo và huấn luyện nhằm nâng cao năng lực và sức chiến đấu

phục vụ cho công tác huấn luyện và tham gia thi đấu; Hàng năm, các cấp lãnh đạo đều ưu tiên cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và đầu tư mới các cơ sở vật chất, sân bãi để phục vụ hoạt động thể dục, thể thao tại các đơn vị.

2.2. Đánh giá nhiệm vụ phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp ở địa phương, đơn vị.

a) Đổi mới cơ chế tổ chức, nội dung tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao thành tích cao theo định hướng chuyên nghiệp. Tăng cường nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao cho công tác đào tạo tài năng thể thao thành tích cao:

Trong nhiều năm qua, tỉnh Thanh Hóa đã tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống đào tạo VĐV 4 tuyến để tập trung tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện tài năng và đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; Các chế độ, chính sách cho VĐV, HLV thể thao thành tích cao liên tục được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của Trung ương đã tạo nên sự phát triển vượt bậc về thành tích thể thao của VĐV Thanh Hóa trên các đấu trường quốc gia, khu vực, thế giới và gặt hái nhiều thành tích nổi bật, đưa thể thao Thanh Hóa vươn lên vị trí thứ 4 tại Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII năm 2014 và lần thứ VIII năm 2018; môn Bóng đá, Bóng chuyền luôn được duy trì trong hạng đội mạnh toàn quốc. Lực lượng VĐV các tuyến III, IV tại cơ sở chưa được quan tâm đầu tư phát triển.

- Nguồn nhân lực, kinh phí được tăng lên thường xuyên; Ngân sách đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật tương đối kịp thời đã tạo nên sự phát triển đột phá về thành tích thi đấu cho các VĐV Thanh Hóa. Công tác xã hội hóa phát triển thể thao thành tích cao bước đầu thu được kết quả, huy động được nguồn lực của xã hội tài trợ, hỗ trợ cho đội tuyển các môn thể thao phổ biến, có sức hấp dẫn lớn. Công tác liên kết, hợp tác và đầu tư để cử cán bộ, HLV, VĐV, trọng tài, chuyên viên kỹ thuật đi đào tạo, bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm, tập huấn, thi đấu tại các địa phương, đơn vị, quốc gia mạnh được quan tâm, từng bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong công tác quản lý, tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, thi đấu, tổ chức thi đấu, chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương, phòng chống doping, thực hiện giám định khoa học đối với quá trình huấn luyện vận động viên.

- Trong giai đoạn 2010 - 2020, các môn thể thao thành tích cao Thanh Hóa luôn duy trì và phát từ 27 đến 32 môn và phân môn trong chương trình thi đấu thể thao của quốc gia, khu vực và thế giới. Đội ngũ vận động viên tuyến I (*đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh*) luôn thực hiện khoảng 434-450/500 VĐV/năm; Lực lượng VĐV năng khiếu (tuyến II), bình quân hàng năm thực hiện trên 300 - 450 VĐV/năm; Môn Bóng đá hàng năm đào tạo 150 VĐV. Hàng năm trung bình có khoảng 140 - 150 VĐV đạt đẳng cấp Kịch tướng, dự bị Kịch tướng và Cấp I quốc gia. Đội ngũ huấn luyện viên, trọng tài thể thao

luôn được quan tâm cử đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn; đến năm 2020 toàn tỉnh có 115 HLV cấp tỉnh, 65 trọng tài cấp quốc gia.

- Trong 10 năm qua, hệ thống thiết chế thể thao và cơ sở vật chất TDTT cấp tỉnh hiện nay của Thanh Hóa chủ yếu được đầu tư để nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đảm bảo yêu cầu trong sinh hoạt, tập luyện, thi đấu, tổ chức thi đấu các giải thể thao trong tỉnh và quốc gia, tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh và CLB Bóng đá Thanh Hóa, như: Khu nhà ở 5 tầng cho VĐV, Sân vận động tỉnh; Nhà thi đấu 2.500 chỗ ngồi; bể bơi; trường bắn súng; sân quần vợt và một số công trình nhỏ lẻ khác; Xây mới khu nhà 11 tầng (trường Cao đẳng TDTT cũ). Quy hoạch Khu Liên hợp TDTT tỉnh và các cơ sở vật chất kèm theo được phê duyệt tại Quyết định số 3916/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh hiện chưa được triển khai thực hiện.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp đối với vận động viên thể thao luôn được quan tâm với nhiều giải pháp giáo dục, nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng và kịp thời xử lý những phát sinh về tư tưởng đối với vận động viên. Nhìn chung, tình hình tư tưởng của vận động viên thể thao luôn ổn định, yên tâm học tập và rèn luyện; Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế của cơ quan và bộ môn; không có hiện tượng vận động viên tham gia tệ nạn xã hội. Chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tự giác chấp hành, thực hiện tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao.

b) Kết quả đầu tư môn thể thao, vận động viên trọng điểm:

Để đầu tư phát triển các môn thể thao trọng điểm, phù hợp với điều kiện, tiềm năng, thể mạnh, trong giai đoạn 2010 - 2020, Thanh Hóa đã xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch chuẩn bị, phát triển và nâng cao trình độ cho lực lượng VĐV các môn thể thao để tham gia thi đấu tại các giải thể thao, Đại hội thể thao toàn quốc, khu vực và thế giới. Kết quả được thể hiện rõ trong thành tích thứ IV toàn quốc của thể thao Thanh Hóa tại hai kỳ Đại hội TDTT toàn quốc năm 2014 và năm 2018; Nhiều VĐV đạt thành tích cao tại các giải vô địch khu vực, châu lục và thế giới với khoảng 400 huy chương các loại (150 HCV), góp phần vào thành tích chung của thể thao Việt Nam trong những năm qua. Nổi bật như các VĐV: Quách Thị Lan (01 HCV, 01 HCD môn Điền kinh Đại hội thể thao Châu Á năm 2018); Quách Công Lịch, Nguyễn Thị Phương, Lê Thị Phương, Lương Văn Thao, Hà Văn Nhật (Điền kinh); Nguyễn Thị Quỳnh; Võ Thị Đài Trang, Hoàng Thị Trang, Phạm Thị Vân, Ngân Thị Nhiên (Bơi lội); Phạm Hữu Châu, Trần Anh Tuấn, Lưu Đức Điệp (Vovinam); Nguyễn Trọng Cường, Nguyễn Thị Hương, Phạm Ngọc Châm (Taekwondo); Nguyễn Thị Lợi, Phạm Tuấn Anh (Cử tạ); Nguyễn Duy Tuyên, Phạm Tuấn Anh, Nguyễn Ngọc Toàn (Pencak Silat); Nguyễn Thị Phương Hậu, Hàn Thị Thúy (Muay); Hoàng Thị Hòa, Lê Văn Nghĩa (Cầu

mây); Lương Thị Quyên, Nguyễn Thị Vinh, Đặng Thị Linh (Vật); Hoàng Thị Tình, Bùi Thị Hòa, Nguyễn Thị Quỳnh (Judo); Trần Hoàng Yên Phương, Lê Thị Thuỳ, Hoàng Văn Tám (Karate); Phùng Lê Huyền, Nguyễn Thành Đạt, Mai Thị Thương (Bắn súng); Trương Văn Hoài, Đinh Thế Đức, Nguyễn Văn Bắc (Đua thuyền); Hà Thế Long (Xe đạp) và một số VĐV khác.

c) Công tác nghiên cứu khoa học, chế độ dinh dưỡng, chăm sóc y tế, hợp tác phát triển:

Từng bước ứng dụng nghiên cứu khoa học vào trong công tác tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện và phát triển của vận động viên; ứng dụng công nghệ cao vào công tác huấn luyện cho vận động viên trong huấn luyện và thi đấu phù hợp với điều kiện về kinh phí và nhân lực. Hệ thống quản lý dữ liệu về thành tích của vận động viên đang từng bước được đầu tư xây dựng nhằm tích hợp dữ liệu, so sánh, đối chiếu, xây dựng mô hình và đánh giá trình độ phát triển từng thời kỳ cho vận động viên. Phổ biến cập nhật thường xuyên các chương trình về phòng, chống doping cho cán bộ quản lý, huấn luyện viên, vận động viên. Chế độ dinh dưỡng chung được đảm bảo; chế độ dinh dưỡng đặc thù từng môn cụ thể theo sự tư vấn của các chuyên gia về dinh dưỡng thể thao; áp dụng các phương pháp hồi phục khi tập luyện nặng và sau chấn thương.

Tham mưu cho tỉnh ban hành các kế hoạch thực hiện các chương trình hợp tác, phát triển, đào tạo, huấn luyện cho các đội tuyển TDTT; Giao lưu văn hóa, phát triển du lịch của tỉnh bạn; Phối hợp tốt với các đơn vị, địa phương trong và ngoài tỉnh, các doanh nghiệp tổ chức tốt các hoạt động thể thao có tính quốc tế, đảm bảo an ninh, an toàn góp phần tuyên truyền, quảng bá về đất và người xứ Thanh, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và trật tự xã hội. Hàng năm, luôn cử các HLV, VĐV tham gia tập huấn, thi đấu tại các địa phương, đơn vị mạnh trong nước; Phối hợp với các bộ môn thể thao của Tổng cục TDTT cử HLV, VĐV tham gia thi đấu các giải thể thao quốc tế.

d) Việc củng cố và hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về thể thao thành tích cao:

- Trong những năm qua, chính sách đãi ngộ đối với vận động viên thể thao thành tích cao từng bước được các cấp, các ngành quan tâm hơn; Kịp thời ban hành các văn bản bổ sung, sửa đổi các chế độ, chính sách lương, bảo hiểm, các danh hiệu vinh dự, chế độ ưu đãi đối với vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh; Các chế độ đãi ngộ, khen thưởng và chính sách khác kịp thời nhằm tạo động lực cho các vận động viên yên tâm cống hiến cho nền thể thao tỉnh nhà.

- Việc chuyển giao một số hoạt động sự nghiệp về thể thao thành tích cao cho các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể thao còn bất cập do chưa có cơ chế, chính sách rõ ràng từ Trung ương, mặt khác do năng lực của các tổ chức này còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu về nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí để tổ chức thực hiện. Để tham gia thi đấu thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp, ngoài ngân sách nhà nước cấp hàng năm, có những môn (như bóng đá và bóng chuyền) cần có sự đầu tư của các tổ chức xã hội nghề nghiệp nhằm đảm bảo kinh phí tham gia tập luyện và thi đấu tại các giải thể thao quốc gia. Hiện nay, các cấp, các ngành trong tỉnh luôn quan tâm và tạo điều kiện hỗ trợ, kêu gọi các nhà đầu tư tham gia xã hội hóa trong công tác đào tạo, huấn luyện và thi đấu của một số môn thể thao trọng điểm của tỉnh. Tỉnh cũng đã có những chính sách khuyến khích đầu tư, quảng bá hình ảnh đối với các tổ chức xã hội, để cùng đồng hành với sự nghiệp thể thao của tỉnh.

đ) Chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp và tổ chức các giải thể thao chuyên nghiệp ở Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập, chưa rõ ràng do đang được chuyển dần từ mô hình hoạt động bao cấp sang mô hình tự chủ kinh doanh như doanh nghiệp. Hoạt động tài trợ và kinh doanh dịch vụ thi đấu thể thao chuyên nghiệp đều căn cứ trên nền tảng lợi ích, mà lợi ích thiết thực chưa rõ ràng, cơ chế chính sách chưa minh bạch nên chưa thu hút được nguồn lực đầu tư xây các công trình, thành lập CLB thể thao chuyên nghiệp và tổ chức các sự kiện thể thao lớn.

e) Các hoạt động thể thao thành tích cao khác.

- Thành tích Thể thao thành tích cao Thanh Hóa đến nay đã giành được khoảng 5.100 huy chương các loại (1.694 HCV, 1534 HCB, 1.867 HCD), trung bình đạt khoảng 510HC/năm. Môn Bóng đá, Bóng chuyền duy trì trong топ các đội mạnh toàn quốc.

- Đại hội TDTT lần thứ VII năm 2014, đoàn VĐV Thanh Hóa giành được 105 HC các loại với 46HCV, 30HCB, 29 HCD; Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VIII năm 2018, đoàn VĐV Thanh Hóa giành được 101 huy chương các loại với 36 HCV, 34 HCB, 31 HCD, trong cả hai Đại hội đều xếp thứ 4 toàn quốc (chỉ xếp sau Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Quân Đội), đây là thành tích đặc biệt xuất sắc của thể thao thành tích cao Thanh Hóa trong nhiều năm qua.

- Tại Đại hội Thể thao Châu Á năm 2018, các VĐV Thanh Hóa đã gặt hái nhiều thành công với 01 HCV, 02 HCB, 05 HCD, đóng góp không nhỏ cho Thể thao Việt Nam. Huy chương Vàng cự ly 400m vượt rào của VĐV Điện kinh Quách Thị Lan là thành tích đặc biệt xuất sắc của các VĐV Điện kinh Việt Nam, cũng như Thanh Hóa từ trước đến nay trên đấu trường Châu lục và Thế giới.

2.3. Đánh giá nhiệm vụ củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các Liên đoàn - Hiệp hội thể dục, thể thao.

a) Kết quả phát triển hệ thống Liên đoàn - Hiệp hội thể thao ở địa phương, đơn vị:

Tính đến nay tỉnh Thanh Hoá đã thành lập được 6 Liên đoàn và 2 Hội, đó là: Liên đoàn Bóng đá, Liên đoàn Quần vợt, Liên đoàn Cầu lông, Liên đoàn Vovinam, Liên đoàn Bóng bàn, Liên đoàn Võ thuật, Hội Tâm năng dưỡng sinh và Hội Golf. Hàng năm các Liên đoàn, Hội, CLB đã tổ chức nhiều hoạt động TDTT, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các giải thi đấu thể thao phong trào quy mô cấp tỉnh chủ yếu bằng nguồn kinh phí xã hội hóa với số tiền hàng tỷ đồng.

b) Kết quả chuyển giao từng bước các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực thể dục, thể thao cho các Liên đoàn - Hiệp hội thể thao ở địa phương, đơn vị:

Hiện nay, các Liên đoàn, Hội thể thao trong tỉnh đã từng bước nâng cao chất lượng hoạt động trong lĩnh vực thể dục, thể thao; Chủ động phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch hàng năm triển khai các hoạt động về thể thao trong tỉnh; Công tác xã hội hóa được các đơn vị tự cân đối để phối hợp tổ chức thành công các giải thể thao quần chúng, nhằm thu hút các đơn vị, câu lạc bộ trong tỉnh tham gia, góp phần vào sự phát triển chung sự nghiệp thể dục, thể thao quần chúng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được

Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng được đảm bảo, phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" đã và đang được các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, tham gia tích cực. Phong trào xây dựng gia đình Thể thao và CLB TDTT cơ sở được phát triển với chất lượng ngày càng cao. Công tác xã hội hoá hàng năm đã thu được kết quả tốt; Nhân dân tự nguyện đóng góp công sức, kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động TDTT ngày càng nhiều. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra đạt và vượt chỉ tiêu. Chế độ, chính sách cho HLV, VĐV thể thao thành tích cao được các cấp, các ngành trong tỉnh quan tâm; Công tác quản lý nhà nước từng bước được điều chỉnh tạo điều kiện để nâng cao thành tích thể thao trên các đấu trường quốc gia, quốc tế.

2. Hạn chế, tồn tại

- Phong trào TDTT quần chúng tuy phát triển bề rộng nhưng chưa có chiều sâu; Sự phát triển giữa các vùng miền, đối tượng trong tỉnh không đồng đều; giáo dục thể chất và thể thao trường học chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển thể lực, tầm vóc cho thế hệ trẻ; TDTT trong lực lượng vũ trang còn nhiều bất cập; TDTT cho CNVC, người lao động chưa được quan tâm đúng mức; TDTT cho các đối tượng chính sách còn hạn chế; TDTT dành cho Người khuyết tật chưa được đầu tư trọng điểm.

- Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ phát triển TDTT bị xuống cấp, chậm được đầu tư xây dựng mới, thiếu các công trình thể thao lớn đáp ứng nhu cầu trở thành trung tâm TDTT mạnh hàng đầu cả nước; Các công trình thể thao từ tỉnh đến cơ sở phần lớn chưa đảm bảo tiêu chuẩn và các công trình thể thao dành cho Người khuyết tật.

- Chưa có nhiều chính sách khuyến khích phát triển loại hình thể thao giải trí; chế độ đãi ngộ vận động viên còn hạn chế, chưa kịp thời, chưa thu hút được nhiều nhân tài. Việc đào tạo, bồi dưỡng VĐV, HLV còn nhiều bất cập.

- Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong TDTT ít được sử dụng do kinh phí hạn hẹp và kiến thức khoa học - công nghệ của đội ngũ cán bộ, HLV còn hạn chế. Việc hợp tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và các thành tựu khoa học trong TDTT chưa được quan tâm.

3. Nguyên nhân chủ yếu

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển chưa đồng đều giữa các khu vực, kết cấu hạ tầng đến các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn còn hạn chế; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao hơn nhiều so với bình quân chung của tỉnh; khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng, miền, giữa các dân tộc còn cao; chất lượng đội ngũ cán bộ, HLV, trọng tài, hướng dẫn viên các cấp còn hạn chế.

- Do nhu cầu phát triển thì nhiều nhưng điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn hạn hẹp nên hạn chế khả năng đầu tư để phát triển toàn diện, đồng bộ cả TDTT quần chúng, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp; Khó bố trí nguồn đầu tư xây dựng các công trình TDTT cơ bản, thiết yếu theo quy định của các đơn vị hành chính và công trình có quy mô lớn, hiện đại; Trong ngắn hạn chưa đáp ứng các yêu cầu của nền thể thao chuyên nghiệp.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương, đơn vị chưa đánh giá đúng vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng và tầm quan trọng của hoạt động thể dục thể thao trong đời sống và phát triển kinh tế - xã hội, nên chưa quan tâm đầu tư cho tổ chức hoạt động, xây dựng công trình TDTT nên kết quả còn hạn chế.

- Bộ máy quản lý nhà nước về Thể dục thể thao từ tỉnh đến cơ sở thiếu đồng bộ, chuyên môn hạn chế nên hoạt động chưa hiệu quả; ở vùng sâu, vùng xa chưa có cán bộ chuyên trách về Thể dục thể thao, cơ sở vật chất thiếu thốn và thiếu kinh phí để hoạt động. Đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên còn thiếu, thậm chí nhiều nơi không có nên khó phát triển phong trào TDTT; việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho VĐV sau thi đấu chưa được quan tâm.

- Các cơ chế chính sách phát triển Thể dục thể thao ít được quan tâm, thiếu đồng bộ. Công tác lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất dành cho hoạt động thể dục thể thao các cấp còn bất cập.

- Đời sống kinh tế của nhân dân còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao cũng là một trong những nguyên nhân hạn chế phong trào tập luyện Thể dục thể thao của nhân dân.

- Chính sách khuyến khích, ưu đãi thu hút được các dự án đầu tư xây dựng các công trình thể thao trọng điểm của tỉnh; Công tác xã hội hóa, kêu gọi đầu tư phát triển thể dục thể thao còn nhiều khó khăn, hạn chế.

4. Những bài học kinh nghiệm

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai các văn bản hướng dẫn của Nhà nước về công tác thể dục, thể thao tới toàn thể nhân dân trên địa bàn để mọi người hiểu rõ lợi ích của hoạt động thể dục, thể thao đối với bản thân, gia đình, cộng đồng để tự giác đầu tư kinh phí tham gia hoạt động.

- Tăng cường tuyên truyền để cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể các cấp và nhân dân hiểu được trách nhiệm và quyền lợi của mình trong thực hiện Chiến lược, từ đó thu hút được sự tham gia chủ động, tích cực của cả hệ thống chính trị và nhân dân. Đồng thời, cần có sự phối hợp chặt chẽ, toàn diện của các cấp, các ngành trong quá trình triển khai Chiến lược, phân công rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Đầu tư cho phát triển TDTT là đầu tư cho nguồn lực con người, đảm bảo ổn định sức khỏe thể chất và tinh thần của xã hội, phát triển thể lực và tầm vóc cho thế hệ trẻ Việt Nam, đảm bảo sức chiến đấu cho lực lượng vũ trang, phòng chống tệ nạn và phòng chống bệnh tật của xã hội hiện đại. Vì vậy, cần tập trung có kế hoạch tăng nguồn đầu tư kinh phí từ ngân sách cho công tác xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ; Tổ chức hoạt động và thực hiện chế độ chính sách để phát triển TDTT.

- Có cơ chế, chính sách đảm bảo cho các cá nhân, tập thể, doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kinh doanh hoạt động thể dục thể thao; Kịp thời hướng dẫn, kiểm tra, ngăn chặn hành vi trái pháp luật về TDTT.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng cho các đơn vị thực hiện tốt; Đồng thời phê bình các cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển TDTT hàng năm.

IV. PHỤ LỤC BIỂU, BẢNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ TDTT GIAI ĐOẠN 2010 - 2020 *(Có Phụ lục số liệu gửi kèm theo)*

Phần thứ II

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, xây dựng và phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao chung của Đất nước, tỉnh Thanh Hóa đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao một số nội dung sau:

- Tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện Chiến lược trong giai đoạn vừa qua; tiếp tục xây dựng định hướng phát triển TDTT trong giai đoạn tiếp theo nhằm phát triển TDTT cho mọi người, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp lên tầm cao mới.

- Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định, định mức chi trả chế độ tại Thông tư 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá công tác phát triển TDTT; mở các hội nghị chuyên đề để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác TDTT; đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, HLV, trọng tài TDTT các cấp; quan tâm hỗ trợ, hướng dẫn, chỉ đạo phát triển TDTT, đặc biệt là thể thao thành tích cao, đồng thời bổ sung tỉnh Thanh Hóa là một trong những trung tâm TDTT vùng của cả nước, đáp ứng yêu cầu phát triển TDTT trong giai đoạn tới.

UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao./.

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (để B/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để B/cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tổng cục Thể dục thể thao;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các huyện, thị xã, thành phố;
- Phó CVP Trần Huy Chân;
- Lưu VT, VX (ngocnd).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đăng Quyền

**PHỤ LỤC THỐNG KÊ SỐ LIỆU THEO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
THỂ DỤC, THỂ THAO ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**Phụ lục 1. Tổng hợp số lượng văn bản đã ban hành để thực hiện
Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam tại tỉnh Thanh Hóa từ năm 2010-2020**
ĐVT: Số văn bản

TT	Loại văn bản	Số lượng	Ghi chú
1	Nghị quyết	32	
2	Chiến lược	15	
3	Đề án	25	
4	Quy hoạch	51	
5	Chỉ thị	26	
6	Kế hoạch	442	
7	Các văn bản khác (nếu có)	567	
	Tổng số	1148	

Phụ lục 2. Tổng hợp ngân sách chi cho hoạt động sự nghiệp TDTT giai đoạn 2010-2020

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu Năm	Ngân sách chi cho hoạt động sự nghiệp thể dục, thể thao								
		Trong đó:								
		Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương			Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước		
		Tổng số	Chi thường xuyên (nếu có)	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (nếu có)	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư xây dựng cơ bản
1	2010				124,065	90,865	33,200	55,296	55,296	
2	2011				124,114	89,859	34,255	55,296	55,296	
3	2012				116,806	105,026	11,780	18,688	18,688	
4	2013				127,043	111,649	15,394	18,063	18,063	
5	2014				144,714	123,714	21,000	27,010	27,010	
6	2015				156,891	131,404	25,487	38,051	38,051	
7	2016				156,574	129,310	27,237	39,105	39,105	
8	2017				152,508	125,508	27,194	40,230	40,230	
9	2018				153,787	125,684	28,103	41,120	41,120	
10	2019				156,553	128,310	28,243	42,320	42,320	
11	2020 (ước đạt)				157,642	129,310	28,332	43,000	43,000	

Phụ lục 3. Tổng hợp chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao quần chúng giai đoạn 2010-2020

DVT: %

TT	Chỉ tiêu Năm	Số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đến năm (tỷ lệ % dân số)		Số gia đình luyện tập thể dục thể thao		Ghi chú
		Toàn tỉnh, thành phố	Đồng bào dân tộc và miền núi	Toàn tỉnh, thành phố	Đồng bào dân tộc và miền núi	
1	2010	29%	16%	19%	13%	
2	2011	30%	17%	20%	14%	
3	2012	31%	18%	21,5%	15%	
4	2013	32,5%	19%	23%	16%	
5	2014	34%	20%	24%	17%	
6	2015	35,5%	21%	25,5%	17,3%	
7	2016	37%	21,5%	26,8%	17,5%	
8	2017	38,2%	22%	27,6%	17,8%	
9	2018	40%	22,5%	28,4%	18%	
10	2019	42%	23%	29,2%	18,3%	
11	2020 (ước đạt)	43%	23,5%	30%	18,5%	

Phụ lục 4. Tổng hợp công trình thể thao giai đoạn 2010-2020

ĐVT: Số công trình

TT	Chỉ tiêu Năm	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn	Bể bơi 50m	Bể bơi 25m	Các loại bể bơi khác	Sân vận động có khán đài	Sân vận động không có khán đài	Sân bóng đá mini	Sân bóng chuyên	Sân bóng rổ	Sân cầu lông	Sân quần vợt	Các loại sân tập luyện thi đấu thể thao khác
1	2010	23	5	1	3	6	18	656	1631	4374	50	3932	74	712
2	2011	25	5	1	3	6	18	656	1631	4374	50	3932	74	712
3	2012	31	10	1	3	6	18	656	1635	4374	60	3932	85	956
4	2013	36	20	1	3	6	25	656	1660	4374	65	3932	90	969
5	2014	68	27	1	3	6	30	1167	1784	3648	70	4061	92	1002
6	2015	70	40	3	15	6	33	1258	1814	3648	85	4061	96	1043
7	2016	90	57	8	29	50	41	1431	1850	4035	119	4334	98	1059
8	2017	98	72	8	29	50	49	1431	1863	4035	119	4334	100	1082
9	2018	110	81	8	29	73	57	1500	1879	4289	125	4644	110	1110
10	2019	114	95	8	29	84	68	1525	1992	4289	125	4644	115	1128
11	2020 (ước đạt)	120	95	8	29	86	76	1561	2040	4279	136	4657	120	1135

Phụ lục 5. Tổng hợp số cộng tác viên thể dục, thể thao giai đoạn 2010-2020

ĐVT: Số người

STT	Chỉ tiêu Năm	Số cộng tác viên thể dục, thể thao		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Nữ	
1	2010	1400	230	
2	2011	1400	230	
3	2012	1434	233	
4	2013	1535	233	
5	2014	1540	235	
6	2015	1555	235	
7	2016	1563	236	
8	2017	1580	239	
9	2018	1614	241	
10	2019	1625	241	
11	2020 (ước đạt)	1630	242	

Phụ lục 6. Tổng hợp cơ sở, tổ chức hoạt động thể dục thể thao giai đoạn 2010-2020

DVT: Cơ sở

TT	Chỉ tiêu Năm	Cơ sở, tổ chức hoạt động thể dục thể thao người khuyết tật	Cơ sở hoạt động thể thao (không nhằm mục đích kinh doanh)	Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao	Ghi chú
1	2010	0	0	1560	
2	2011	0	0	1560	
3	2012	0	0	1655	
4	2013	0	0	1686	
5	2014	0	0	1718	
6	2015	0	0	1748	
7	2016	0	0	1792	
8	2017	0	0	1889	
9	2018	0	0	1947	
10	2019	0	0	2011	
11	2020 (ước đạt)	0	0	2206	

**Phụ lục 7. Tổng hợp xã, phường, thị trấn dành đất cho hoạt động
TDTT giai đoạn 2010-2020**

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu	Xã, phường, thị trấn dành đất cho hoạt động TDTT	Xã, phường, thị trấn có bể bơi, sân bóng đá, nhà tập luyện TDTT	Ghi chú
	Năm			
1	2010	70%	30%	
2	2011	70%	30%	
3	2012	70%	30%	
4	2013	70%	30%	
5	2014	70%	30%	
6	2015	75%	40%	
7	2016	75%	40%	
8	2017	75%	45%	
9	2018	80%	45%	
10	2019	80%	45%	
11	2020 (ước đạt)	85%	50%	

Phụ lục 8. Tổng hợp vận động viên thành tích cao giai đoạn 2010-2020

ĐVT: Lượt người

TT	Chỉ tiêu Năm	VĐV năng khiếu cấp tỉnh, thành, ngành		VĐV trẻ cấp tỉnh, thành, ngành		VĐV đội tuyển tỉnh, thành, ngành		VĐV được triệu tập vào đội tuyển trẻ quốc gia (lượt VĐV)		VĐV được triệu tập vào đội tuyển quốc gia (lượt VĐV)		VĐV cấp kiện tướng		VĐV đạt đẳng cấp I		Ghi chú
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	2010	150	130	120	75	75	65	10	7	8	5	22	9	19	15	
2	2011	150	130	120	80	80	70	10	8	7	6	25	10	22	18	
3	2012	150	130	130	120	110	90	10	10	8	7	17	23	24	21	
4	2013	150	130	130	120	120	80	10	10	10	6	32	28	26	16	
5	2014	150	130	130	120	110	90	10	10	10	10	35	20	25	18	
6	2015	220	180	110	90	130	120	8	7	10	10	38	32	32	17	
7	2016	220	180	120	80	130	120	10	6	10	10	45	40	35	20	
8	2017	200	180	120	80	130	120	10	6	12	8	39	32	33	22	
9	2018	200	180	120	80	130	120	12	8	12	10	47	23	35	27	
10	2019	160	140	110	90	130	120	15	8	15	10	45	32	31	25	
11	2020 (ước đạt)	150	121	100	94	120	109	18	12	16	14	40	35	45	35	

**Phụ lục 9. Tổng hợp huấn luyện viên và trọng tài thể thao thành tích cao
giai đoạn 2010-2020**

ĐVT: Người

TT	Chỉ tiêu Năm	Huấn luyện viên			Trọng tài			Ghi chú
		Tổng số	Cấp tỉnh, thành	Cấp quốc gia	Tổng số	Cấp quốc gia	Cấp quốc tế	
1	2010	70	70	2	28	27	1	
2	2011	70	68	2	30	29	1	
3	2012	90	88	2	32	31	1	
4	2013	90	88	2	32	31	1	
5	2014	90	85	5	32	31	1	
6	2015	90	85	5	32	31	1	
7	2016	90	85	5	35	34	1	
8	2017	90	84	6	35	34	1	
9	2018	90	84	6	35	34	1	
10	2019	125	118	7	50	48	2	
11	2020 (ước đạt)	128	122	6	50	48	2	

Phụ lục 10. Tổng hợp số giải thể thao giai đoạn 2010-2020

ĐVT: Giải thể thao

TT	Chỉ tiêu Năm	Số giải thể thao đăng cai tổ chức													
		Tổng số	Trong đó:												
			Quốc tế			Quốc gia			Cấp tỉnh			Cấp huyện		Cấp xã	
			Giải chính thức	Giải mở rộng	Tổng số người tham gia	Giải thành tích cao	Giải TDT T quần chúng	Tổng số người tham gia	Giải thành tích cao	Giải TDT T quần chúng	Tổng số người tham gia	Giải thể thao tổ chức	Tổng số người tham gia	Giải thể thao tổ chức	Tổng số người tham gia
1	2010					6		1000		17	3400	48	9600	860	172.000
2	2011					3		700		13	2600	51	10200	882	176.400
3	2012					3		700		13	2600	55	11000	829	165.800
4	2013					3		700		22	6000	62	12400	1030	206.000
5	2014					2		500		22	6000	119	23800	1485	297.000
6	2015					5		1500		18	3600	113	22600	1434	286.800
7	2016			1		2		500		15	3000	123	24600	1423	284.600
8	2017					2		600		29	5800	122	24400	1605	321.000
9	2018					2		500		24	7000	139	27800	1680	336.000
10	2019					5		2000		14	2800	150	30000	1718	343.000
11	2020 (ước đạt)					3	1	700		15	3000	100	20000	500	100.000

ĐVT: Chiếc

[illegible]

Phụ lục 12. Tổng hợp số lượng huy chương quốc gia giai đoạn 2010-2020

ĐVT: Chiếc

TT	Chỉ tiêu Năm	Số huy chương quốc gia																
		Tổng số		Trong đó:														
				Giải thể thao thành tích cao												Giải thể thao quần chúng		
				Giải vô địch			Giải vô địch trẻ			Cúp Câu lạc bộ								
				Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
			Vàng g	Bạc	Đồng		Vàng	Bạc	Đồng g		Vàng g	Bạc	Đồng g		Vàng g	Bạc c	Đồng	
1	2010														3	1	1	1
2	2011	371	78	28	19	31	223	69	66	88	70	18	48	34	3	1		2
3	2012	345	78	28	19	31	223	69	66	88	44	9	11	24	6		1	5
4	2013	318	123	30	43	50	190	57	59	74	78	18	26	34	15	2	8	5
5	2014	360	124	50	35	39	178	57	54	67	58	17	14	27	10	1	6	3
6	2015	349	148	41	56	51	177	66	41	70	24	83	78	50	14	5	5	4
7	2016	408	136	45	39	52	198	70	46	82	74	19	25	30	6	1	1	4
8	2017	311	130	41	44	45	121	42	33	46	60	18	18	24	9	2	3	4
9	2018	254	123	42	42	39	112	35	38	44	19	6	6	7	12	2	3	7
10	2019	475	152	44	46	62	109	24	30	55	214	62	75	77	7	1	2	4
11	2020 (9/2020)	275	85	30	30	25	100	35	45	20	90	30	40	20	3	1	1	1

**Phụ lục 13. Tổng hợp Liên đoàn, Hội thể thao của địa phương, đơn vị
giai đoạn 2010-2020**

ĐVT: Số tổ chức

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Ghi chú
	Năm		
1	2010	4	
2	2011	4	
3	2012	5	1
4	2013	5	
5	2014	5	
6	2015	7	2
7	2016	8	1
8	2017	8	
9	2018	8	
10	2019	8	
11	2020 (ước đạt)	9	1
	Tổng số	9	

Phụ lục 14. Tổng hợp số câu lạc bộ thể dục thể thao giai đoạn 2010-2020

ĐVT: Số Câu lạc bộ

	Chỉ tiêu Năm	Trong đó:	
		Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở
1	2010	1	2800
2	2011	1	3000
3	2012	1	3100
4	2013	1	3220
5	2014	1	3240
6	2015	1	3270
7	2016	1	3300
8	2017	1	3350
9	2018	1	3380
10	2019	1	3410
11	2020 (ước đạt)	1	3440

Phụ lục 15. Biểu mẫu thống kê chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao trường học giai đoạn 2010-2020 (Áp dụng với Sở Giáo dục và Đào tạo)
ĐVT: %

TT	Tiêu chí Năm	Số trường phổ thông thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất nội khóa	Số trường học phổ thông có câu lạc bộ thể dục, thể thao, có hệ thống cơ sở vật chất đủ phục vụ cho hoạt động thể dục, thể thao	Số trường học phổ thông có đủ giáo viên và hướng dẫn viên thể dục, thể thao, thực hiện tốt hoạt động thể thao ngoại khóa	Số học sinh được đánh giá và phân loại thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể	Số trường phổ thông đưa môn Bơi vào chương trình học ngoại khóa	Tỷ lệ học sinh, sinh viên thực hiện giáo dục chính khóa	Tỷ lệ học sinh, sinh viên thực hiện giáo dục ngoại khóa
1	2010	100%	55%	55%	83%	5%	100%	45%
2	2011	100%	57%	57%	83%	10%	100%	45%
3	2012	100%	57%	58%	85%	6%	100%	48%
4	2013	100%	60%	60%	85%	7%	100%	49%
5	2014	100%	61%	61%	86%	8%	100%	50%
6	2015	100%	65%	65%	88%	9%	100%	51%
7	2016	100%	67%	66%	90%	9%	100%	53%
8	2017	100%	69%	69%	90%	10%	100%	54%
9	2018	100%	70%	70%	92%	10%	100%	56%
10	2019	100%	72%	72%	95%	11%	100%	57%
11	2020 (ước đạt)	100%	74%	73%	96%	12%	100%	60%

Phụ lục 16. Biểu mẫu thống kê chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang giai đoạn 2010-2020
(Áp dụng với ngành Quân đội và Công an)

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu	Số cán bộ chiến sỹ kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo từng quân, binh chủng	Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ tập luyện TDTT thường xuyên	Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực	Ghi chú
	Năm				
1	2010	100%	100%	100%	
2	2011	100%	100%	100%	
3	2012	100%	100%	100%	
4	2013	100%	100%	100%	
5	2014	100%	100%	100%	
6	2015	100%	100%	100%	
7	2016	100%	100%	100%	
8	2017	100%	100%	100%	
9	2018	100%	100%	100%	
10	2019	100%	100%	100%	
11	2020 (ước đạt)	100%	100%	100%	